

Bản án số: 142/2023/DS-ST

Ngày: 29 - 5 - 2023

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị A.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐHPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Đàm Phương T, sinh năm 1967 (có mặt).

Thường trú: 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: B3.2C chung cư Bình Đăng, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: 273/29/13/27 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Sinh T, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Nam T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: 162C/09 ấp Hưng Quới, xã Thanh Đ, huyện LH, tỉnh V.

2. Ông Nguyễn T, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Nguyễn V, sinh năm 2001 (có mặt).

4. Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2004 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: B1-604 nhà Airport Plaza, số 1 Bạch Đằng, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Trương Thị Ngọc N, sinh năm 1968 (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1999 (vắng mặt).

7. Trẻ Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh năm 2007 (có ông T, bà N là người đại diện theo pháp luật) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2020 và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Đàm Phương T trình bày:

Bà là con của ông Nguyễn V (chết năm 2018) và bà Đàm Thị B (chết năm 2010). Ông V và bà B chung sống có tất cả 4 người con tên là Nguyễn Đàm Phương T, Nguyễn Nam T, Nguyễn Sinh T và Nguyễn Thị Quỳnh T (chết năm 2019), hàng thừa kế thứ nhất của bà T là ông Nguyễn T, hai con là Nguyễn V và Nguyễn Ngọc Q. Ngoài những người con trên, cha mẹ bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông bà nội, ngoại của bà đã chết trước cha mẹ bà.

Nguồn gốc nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc quyền sở hữu riêng của mẹ bà là bà Đàm Thị B. Năm 2010, bà B chết, gia đình làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế là thừa đất số 8, tờ bản đồ số 10, diện tích 77,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 856478, số vào sổ CH00595 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 17/9/2013 cho những người thừa kế di sản của bà B bao gồm ông Vân, bà T, ông T1, ông T2 và bà T3, mỗi người đều giữ một giấy chứng nhận.

Năm 2018, ông V chết không để lại di chúc.

Nhà, đất nêu trên được cha, mẹ của bà xây dựng vào năm 1954, từ đó đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng không sửa chữa lớn hay xây mới. Giá trị nhà và đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là 10.000.000.000 đồng.

Những người hiện đang sinh sống trong căn nhà này gồm có: ông T, bà N, ông Đăng K và Thiên K là vợ và các con ông T.

Bà không có nhu cầu lưu cư trong căn nhà trên, nên bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế và chia tài sản chung của ba, mẹ bà để lại, cụ thể phát mãi nhà, đất nêu trên và phân chia mỗi đồng thừa kế được hưởng 1/4 trị giá nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án.

Bị đơn ông T trình bày:

Ông thừa nhận về di sản thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế đúng như bà T đã trình bày.

Hiện nay, gia đình ông bao gồm ông, bà N, Đăng K và Thiên K (là vợ con ông) đang cư trú, quản lý và sử dụng nhà đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình ở trong căn nhà trên ông có sửa chữa nhỏ để sử dụng nhưng không lưu lại hóa đơn, giấy tờ chứng minh việc sửa chữa nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc sửa chữa trên. Do hoàn cảnh gia đình

ông khó khăn, ông không đủ tiền để đưa cho các đồng thừa kế nếu muốn lưu cư tại căn nhà trên. Vì vậy, ông đồng ý chia tài sản chung và chia thừa kế cho các đồng thừa kế. Nhà, đất có giá trị là 10.000.000.000 đồng, ông nhận phần di sản của cha, mẹ ông để lại là 2.500.000.000 đồng. Ông đồng ý phát mãi nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để chia đều cho các đồng thừa kế tại thời điểm thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2 trình bày:

Ông xác định về di sản thừa kế, hàng thừa kế đúng như bà T, ông T1 trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T ông đồng ý để Tòa án chia thừa kế và chia đều giá trị nhà, đất cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T4 và bà Q có ý kiến trong bản tự khai:

Ông T4, bà Q xác định di sản thừa kế, những người hưởng thừa kế như bà T, ông T1, ông T2 trình bày là đúng. Ông là chồng của bà T3. Năm 2019, bà T3 chết, không để lại di chúc ông và các con ông là Nguyễn V và Nguyễn Ngọc Q là hàng thừa kế thứ nhất của bà T3. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T4 và bà Q đồng ý để Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V trình bày:

Ông xác định di sản thừa kế, những người hưởng thừa kế như bà T, ông T1, ông T2, ông T4 trình bày là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T ông đồng ý để Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế. Ông yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của bà T3 từ di sản thừa kế của ông V, bà B để lại theo quy định pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà N, ông K đến Tòa để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N, ông K đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Do thời điểm hiện nay giá nhà, đất giảm nên nguyên đơn xác định giá trị nhà, đất vào thời điểm xét xử là 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng. Ông T1 có nhu cầu sở hữu toàn bộ nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì phải trả cho các đồng thừa kế mỗi người được hưởng giá trị là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, thời điểm giao tiền chậm nhất vào ngày 28/5/2024. Trường hợp ông Trường không giao tiền đúng thời hạn thì bà yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ $\frac{1}{4}$ giá trị, nhà đất trên.

Bị đơn trình bày: Gia đình bị đơn đang sinh sống và kinh doanh tại nhà, đất nêu trên là di sản của cha mẹ. Bị đơn đồng ý với giá trị nhà hiện nay là 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng. Bị đơn đồng ý sẽ giao đủ số tiền cho các đồng thừa kế vào ngày 28/5/2024 và yêu cầu các đồng thừa kế phải làm thủ tục cho bị đơn

được sở hữu toàn bộ nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp hết thời hạn giao tiền mà bị đơn không có đủ thì bị đơn đồng ý phát mãi nhà, đất nêu trên để chia theo tỷ lệ $\frac{1}{4}$ giá trị nhà, đất cho các đồng thừa kế tại thời điểm thi hành án.

Ông Trung đồng ý với ý kiến của bà T và ông T1.

Ông V đồng ý và thống nhất ý kiến với bà T, ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà, phiên toà tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N, ông K và trẻ Thiên K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông T4 và bà Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Yêu cầu của bà Trang là có cơ sở theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang về việc chia thừa kế nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại Tòa các bên có thỏa thuận đồng ý để bị đơn được sở hữu toàn bộ nhà, đất nêu trên và giao tiền cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ $\frac{1}{4}$ giá trị nhà, đất (giá trị nhà các bên thỏa thuận là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng, vào ngày 28/5/2024. Việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên toà không trái với đạo đức xã hội, không trái với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Đàm Phương T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà Đàm Thị B và chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn là nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tại phiên toà bà Trang xác định yêu cầu chia thừa kế tài

sản của bà B và ông V, xét thấy việc chia tài sản chung và chia thừa kế đều dựa trên những quy định của pháp luật về chia thừa kế để chia di sản nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú ở Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Xét, giấy ủy quyền số công chứng 14656, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2020 của bà Nguyễn Đàm Phương T ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng G tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T và bà Q có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N, ông K và trẻ Thiên K (có bà N, ông T là người đại diện theo pháp luật) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn V và bà Đàm Thị B: Theo Giấy chứng tử số 12, quyền số 01/2010 của UBND Phường 5, Quận 10 cấp ngày 29/3/2010 và Giấy chứng tử số 03/2018/TLKT của UBND Phường 5, Quận 10 cấp ngày 12/01/2018 có cơ sở xác định bà Ba chết năm 2010, ông Vân chết năm 2018. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Như vậy, bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông V và bà B là còn trong thời hiệu luật định.

[3]. Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Đàm Phương Tr, ông Nguyễn Sinh T1, ông Nguyễn Nam T2, ông Nguyễn T4, ông Nguyễn V, bà Nguyễn Ngọc Q cũng như tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguồn gốc nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Đàm Thị B.

Căn cứ vào giấy chứng tử số 12 quyền số 01/2010 do UBND Phường 5, Quận 10 chứng nhận ngày 29/3/2010 và các lời khai của bà T, ông T1, ông T2, ông T4, ông V, bà Q có cơ sở xác định bà Đàm Thị B đã chết năm 2010 và không để lại di chúc.

Như vậy, nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của bà Đàm Thị B để lại sẽ được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự. Sau khi bà Đàm Thị B mất năm 2010, những người trong gia đình bà Ba đã khai nhận di sản thừa kế và đã được cấp giấy chứng nhận cho các đồng thừa kế. Theo đó những người cùng sở hữu quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh gồm có ông V, bà T, ông T, ông T và bà T.

Căn cứ Giấy chứng tử số 03/2018 do UBND Phường 5, Quận 10 cấp ngày 12/01/2018 có cơ sở xác định ông V chết ngày 11/01/2018 và không để lại di chúc.

Do ông V chết không để lại di chúc nên theo quy định tại Điều 612, 613 và 651 Bộ luật Dân sự thì phần tài sản của ông V để lại là 20% giá trị nhà, đất trên sẽ được coi là di sản thừa kế.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP856478 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 17/9/2013 cho bà Nguyễn Đàm Phương T và những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của bà Đàm Thị B, ông Nguyễn V để lại và được xác định là tài sản chung của các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn V và bà Đàm Thị B.

Do ông V và bà B chết không để lại di chúc, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản nên di sản thừa kế là nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh được chia thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự.

[4]. Về hàng thừa kế:

[4.1] Căn cứ vào Sổ hộ khẩu của hộ gia đình bà Đàm Thị B, ông Nguyễn V; trích lục khai sinh của bà Nguyễn Đàm Phương T, ông Nguyễn Sinh T1, ông Nguyễn Nam T2 và bà Nguyễn Thị Quỳnh T3, cũng như lời khai của bà T, ông T1, ông T2, ông T4, ông V và bà Q có đủ cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà B, ông V gồm có bà T, ông T1, ông T2 và bà T3.

[4.2] Căn cứ trích lục khai tử của bà Trâm số 62 ngày 03/9/2019 của UBND Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy đăng ký kết hôn của bà T và ông T số 07, quyền số 01/2000 do UBND Phường 5, Quận 10 cấp ngày 22/3/2000; Giấy khai sinh của ông Vũ số 101 quyền số 01/2001 do UBND Phường 5, Quận 10 cấp ngày 17/8/2001 và Giấy khai sinh của bà Q số 41, quyền số 01/2004 do UBND Phường 5, Quận 10 cấp ngày 22/3/2004 có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Trâm gồm có ông T, ông V và bà Q.

[5]. Về phân chia di sản thừa kế:

[5.1] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giá trị nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng. Những người thừa kế của bà B và ông V gồm có 4 người con là bà T, ông T1, ông T2 và bà T3 (hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 gồm có ông T, ông V và bà 3) nên kỹ phần phần của mỗi người được tính như sau $8.000.000.000 \text{ đồng} : 4 = 2.000.000.000$ (Hai tỷ) đồng.

Năm 2019, bà T3 chết không để lại di chúc do vậy di sản thừa kế mà bà Trâm được hưởng từ di sản thừa kế của bà Đàm Thị B và ông Nguyễn V là $\frac{1}{4}$ giá trị nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng sẽ được chia đều cho ông Nguyễn Tuấn, ông Nguyễn V và bà Nguyễn Ngọc Q hưởng (mỗi người được hưởng phần bằng nhau là: $2.000.000.000 \text{ đồng} : 3 = 666.666.666 \text{ đồng}$).

[5.2] Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về nội dung chia di sản thừa kế, cụ thể:

[5.2.1] Ông Nguyễn Sinh T được sở hữu toàn bộ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 10, diện tích 77,2m² tọa lạc tại 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 856478, số vào sổ CH00595 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 17/9/2013.

[5.2.2] Ông Nguyễn Sinh T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền cho bà T, ông T2 mỗi người là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và thanh toán số tiền cho ông T4, ông V, bà Q mỗi người là 666.666.666 (sáu trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, vào ngày 28/5/2024.

[5.2.3] Hết thời hạn thanh toán, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 856478, số vào sổ CH00595 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 17/9/2013 để chia cho các đồng thừa kế bao gồm bà Nguyễn Đàm Phương T, ông Nguyễn Nam T2, ông Nguyễn Sinh T1 mỗi người được hưởng một phần bằng nhau theo tỷ lệ $\frac{1}{4}$ giá trị nhà, đất và ông T4, ông V và bà Q mỗi người được hưởng một phần bằng nhau theo tỷ lệ $\frac{1}{12}$ giá trị nhà, đất nêu trên, tại thời điểm thi hành án.

Xét thấy, tại Tòa các đương sự tự thỏa thuận về nội dung chia di sản thừa kế của bà B và ông V, xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về chi phí sửa chữa căn nhà: Tại biên bản hòa giải ông T1 có khai trong quá trình sử dụng nhà ở ông có sửa chữa nhỏ, tuy nhiên việc sửa chữa không đáng kể, không giữ lại các biên lai, giấy tờ nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần chi phí sửa chữa nhà.

[7] Xét, bà N, ông K và trẻ Thiên K đang cư trú trong căn nhà trên và được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng các ông, bà không có ý kiến, không tranh chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Bà T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, xét đây là sự tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9]. Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản Điều 6, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Xác định nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP856478, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00595 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 17/9/2013) là di sản thừa kế của ông Nguyễn V và bà Đàm Thị B để lại.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn V và bà Đàm Thị B gồm có: Bà Nguyễn Đàm Phương T, ông Nguyễn Sinh T1, ông Nguyễn Nam T2 và bà Nguyễn Thị Quỳnh T3.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Quỳnh T3 gồm có: Ông Nguyễn T4, ông Nguyễn V và bà Nguyễn Ngọc Q.

3. Về phân chia di sản thừa kế:

[3.1] Ông Nguyễn Sinh T1 được quyền sở hữu toàn bộ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 10, diện tích 77,2m² tọa lạc tại 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 856478, số vào sổ CH00595 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 17/9/2013.

[3.2] Ông Nguyễn Sinh T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền cho bà Nguyễn Đàm Phương T1, ông Nguyễn Nam T2 mỗi người là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và thanh toán số tiền cho ông Nguyễn T4, ông Nguyễn V, bà Nguyễn Ngọc Q mỗi người là 666.666.666 (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, vào ngày 28/5/2024.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3.3] Hết thời hạn thanh toán, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 856478, số vào sổ CH00595 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 17/9/2013 để chia cho các đồng thừa kế bao gồm bà Nguyễn Đàm Phương T, ông Nguyễn Nam T2, ông Nguyễn Sinh T1 mỗi người được hưởng một phần bằng nhau theo tỷ lệ $\frac{1}{4}$ giá trị nhà, đất và ông T4, ông V và bà Q mỗi người được hưởng một phần bằng nhau theo tỷ lệ $\frac{1}{12}$ giá trị nhà, đất nêu trên, tại thời điểm thi hành án.

[3.4] Sau khi ông Nguyễn Sinh T1 thực hiện xong nghĩa vụ đối với bà Nguyễn Đàm Phương T, ông Nguyễn Nam T2, ông Nguyễn T, ông Nguyễn V và bà Nguyễn Ngọc Q thì ông Nguyễn Sinh T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu đối với nhà, đất số 457/19 H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

4. Chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Đàm Phương T, ông Nguyễn Sinh T1, ông Nguyễn Nam T2 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng.

Ông Nguyễn T, ông Nguyễn V và bà Nguyễn Ngọc Q mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.666.667 (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Riêng bà Nguyễn Đàm Phương T được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 00014986 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10. Bà T còn phải nộp thêm số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan